

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV NĂM 2011**

## MỤC LỤC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>19.794.557.754</b>	<b>13.179.040.662</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>225.779.072</b>	<b>825.220.531</b>
1. Tiền	111		225.779.072	825.220.531
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.899.881.437</b>	<b>3.153.591.854</b>
1. Phải thu khách hàng	131		2.071.260.453	1.001.169.453
2. Trả trước cho người bán	132		2.465.347.894	1.608.603.563
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	363.273.090	543.818.838
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.168.897.245</b>	<b>6.700.228.277</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		368.897.245	852.777.179
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	11.800.000.000	5.847.451.098
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.084.926.221</b>	<b>24.194.663.425</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.834.186.991</b>	<b>21.485.199.698</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	6.509.187.735	3.508.725.988
- Nguyên giá	222		7.616.770.731	4.417.545.067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.107.582.996)	(908.819.079)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	2.324.999.256	17.976.473.710
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.300.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.300.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.950.739.230</b>	<b>2.709.463.727</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.950.739.230	2.709.463.727
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>33.879.483.975</b>	<b>37.373.704.087</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.627.959.109</b>	<b>14.126.756.770</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.579.276.337</b>	<b>14.105.619.942</b>
2. Phải trả người bán	312		4.875.486.850	2.850.044.227
3. Người mua trả tiền trước	313		4.205.000.000	10.266.850.240
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	1.281.041.935	837.231.079
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		15.599.127	15.599.127
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	25.615.562	56.911.127
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		176.532.863	78.984.142
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.682.772</b>	<b>21.136.828</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		48.682.772	21.136.828
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.251.524.866</b>	<b>23.246.947.317</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.11</b>	<b>23.251.524.866</b>	<b>23.246.947.317</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.451.589.036	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		243.413.863	105.684.142
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		556.521.967	3.141.263.175
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>33.879.483.975</b>	<b>37.373.704.087</b>

Trần Thị Mai  
Kế toán trưởng



Đặng Đình Ban  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 01 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Quý 4 năm 2011

**MẪU B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4 năm 2011	Quý 4 năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	692.007.454	5.366.760.498	21.291.048.897	8.289.648.725
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-			
3. Doanh thu thuần về BH & cung cấp DV	10	6.1	692.007.454	5.366.760.498	21.291.048.897	8.289.648.725
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	447.060.000	3.325.346.667	19.083.659.823	3.932.625.168
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		244.947.454	2.041.413.831	2.207.389.074	4.357.023.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	75.065.500	200.902.101	312.390.617	858.488.603
7. Chi phí tài chính	22	6.4	164.000	2.436.750	4.100.413	4.173.392
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-		
8. Chi phí bán hàng	24		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		520.046.325	461.059.882	2.320.666.892	1.780.337.588
10. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		(200.197.371)	1.778.819.300	195.012.386	3.431.001.180
11. Thu nhập khác	31			161.152.257	4.778.382	161.152.257
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác	40		-	161.152.257	4.778.382	161.152.257
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(200.197.371)	1.939.971.557	199.790.768	3.592.153.437
15. Chi phí thuế TNDN	51	6.5		422.192.139	29.937.554	837.559.015
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(200.197.371)	1.517.779.418	169.853.214	2.754.594.422
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	(100)	759	85	1.377



Trần Thị Mai  
 Kế toán trưởng

Đặng Đình Ban  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 05 tháng 01 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
Cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

**MẪU B 03-DN**  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	17.029.157.501	10.745.989.141
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(3.072.732.255)	(7.408.987.437)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.047.248.990)	(2.645.211.864)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.470.148)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.847.451.098	946.347.532
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.712.692.184)	(4.342.582.628)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>3.043.935.170</b>	<b>(2.705.915.404)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(643.376.629)	(4.464.818.511)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.300.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	300.000.000	852.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.643.376.629)</b>	<b>2.487.181.489</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(599.441.459)</b>	<b>(218.733.915)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>825.220.531</b>	<b>1.043.954.446</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>225.779.072</b>	<b>825.220.531</b>

Trần Thị Mai  
Kế toán trưởng



Đặng Đình Ban  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 01 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 11 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 2.000.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: Sara Vietnam Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SARA., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SRA.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Dịch vụ ăn uống, giải khát; Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Dịch vụ cho thuê nhà, cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thuỷ lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ lĩnh vực Nhà nước cấm);
- Khảo sát xây dựng các công trình giao thông đường bộ;
- Sản xuất, lắp ráp máy tính, các thiết bị viễn thông;
- Các dịch vụ về tin học;
- Sản xuất phim kỹ xảo cho quảng cáo;
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy vi tính và các thiết bị ngoại vi khác;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Sản xuất và buôn bán linh kiện, thiết bị điện dân dụng;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 để công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành đối với tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 08
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ internet, bảo dưỡng máy tính, thuê xe ô tô và đối với hoạt động xây lắp; không chịu thuế đối với dịch vụ thiết kế website, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt VND	216.266.353	814.884.497
Tiền gửi ngân hàng	9.512.719	10.336.034
<b>Tổng cộng</b>	<b>225.779.072</b>	<b>825.220.531</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.2 Đầu tư ngắn hạn khác (\*)**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

(\*): Khoản cho cá nhân vay ngắn hạn cụ thể như sau:

- Cho Ông Cao Thế Thành vay số tiền 2.500.000.000 đồng trong 12 tháng kể từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2011 với lãi suất 1%/tháng theo Hợp đồng vay số 01/11-HĐSRA ngày 31/12/2010

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Delta		88.094.331
Công ty CP ĐTXD Sara 425	363.273.090	363.273.090
<b>Cộng</b>	<b>363.273.090</b>	<b>451.367.421</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	11.800.000.000	5.847.451.098
<b>Cộng</b>	<b>11.800.000.000</b>	<b>5.847.451.098</b>

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2011	229.078.365	332.768.723	3.855.697.979	4.417.545.067
Mua trong kỳ		3.042.049.300	157.176.364	3.199.225.664
Số dư ngày 31/12/2011	229.078.365	3.374.818.023	4.012.874.343	7.616.770.732
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>				
Số dư ngày 01/01/2011	212.056.130	170.217.860	526.545.089	908.819.079
Khấu hao trong kỳ	17.022.235	60.849.916	120.891.766	198.763.917
Số dư ngày 31/12/2011	229.078.365	231.067.776	647.436.855	1.107.582.996
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	17.022.235	162.550.863	3.329.152.890	3.508.725.988
Tại ngày 31/12/2011	-	3.143.750.247	3.365.437.489	6.509.187.736

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 718.053.762 đồng.

**5.6 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm hệ thống dự đoán	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư ngày 01/01/2011	-	130.909.127	130.909.127
Số dư ngày 31/12/2011	-	130.909.127	130.909.127
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Số dư ngày 01/01/2011	-	130.909.127	130.909.127
Số dư ngày 31/12/2011	-	130.909.127	130.909.127
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công trình trung tâm Thương mại các tỉnh Miền Trung	-	16.359.520.030
Dự án Hà Tây	2.324.999.256	1.508.953.680
Dự án bột nhang	-	108.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.324.999.256</b>	<b>17.976.473.710</b>

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ đang phân bổ	2.788.596.896	2.709.463.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.788.596.896</b>	<b>2.709.463.727</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	401.582.809	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	838.166.599	808.229.045
Thuế thu nhập cá nhân	41.292.527	29.002.034
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.281.041.935</b>	<b>837.231.079</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	22.067.354	31.312.111
Bảo hiểm y tế	-	11.908.338
Phải trả phải nộp khác	1.610.208	11.752.678
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.615.562</b>	<b>56.911.127</b>

**5.11 Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và đầu tư PT	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>105.684.142</b>	<b>386.668.753</b>	<b>20.492.352.895</b>
Tăng vốn năm trước		-		-
Lãi năm trước			2.754.594.422	2.754.594.422
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>105.684.142</b>	<b>3.141.263.175</b>	<b>23.246.947.317</b>
Lãi trong kỳ	-	-	169.853.214	169.853.214
Phân phối lợi nhuận trong kỳ		2.589.318.757	2.754.594.422	2.754.594.422
<b>Số dư ngày 31/12/2011</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.695.002.899</b>	<b>556.521.967</b>	<b>23.251.524.866</b>

**b. Chi tiết vốn đầu tư**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trần Khắc Hùng	3.665.000.000	3.665.000.000
Nguyễn Thế Sơn	198.000.000	198.000.000
Các cổ đông khác	16.137.000.000	16.137.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông:	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
<b>Mệnh giá cổ phiếu lưu hành là: 10.000 đồng</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<u>Trong đó</u>		
<b>Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>20.467.838.277</b>	<b>7.711.778.725</b>
Hoạt động khác	13.292.822	39.045.529
Dịch vụ đào tạo		2.672.733.196
Doanh thu xây dựng	20.454.545.455	5.000.000.000
<b>Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>827.989.002</b>	<b>577.870.000</b>
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm	827.989.002	577.870.000
<b>Tổng cộng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>21.295.827.279</b>	<b>8.289.648.725</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>18.585.419.823</b>	<b>3.838.589.923</b>
Hoạt động khác		
Dịch vụ đào tạo		738.589.923
Xây dựng	18.585.419.823	3.100.000.000
<b>Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>498.240.000</b>	<b>94.035.245</b>
Dịch vụ thiết kế website, phần mềm	498.240.000	94.035.245
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.083.659.823</b>	<b>3.932.625.168</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	312.390.617	858.488.603
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.390.617</b>	<b>858.488.603</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí tài chính khác	4.100.413	4.173.392
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.100.413</b>	<b>4.173.392</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169.853.214	2.754.594.422
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	169.853.214	2.754.594.422
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>85</b>	<b>1.377</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011:*

	31/12/2011	01/01/2011
<b><u>Phải thu</u></b>		
CTY CP đầu tư Sara Hợp Nhất	-	49.000.000
Cty CP công nghệ Hùng Phát	420.500.000	420.500.000
Công ty cổ phần đầu tư XD Sara 425	363.273.090	363.273.090
Công ty CP Sara HN	800.000.000	800.000.000
Công ty CP kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
DNTN Phước Thủy	820.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Sara Window	70.000.000	
Công ty CP Viễn thông Sara	60.000.000	
<b><u>Phải trả</u></b>		
Công ty CP ĐT XDCN TM Sara	548.261.293	693.727.565
Công ty CP Sara (Sara Vinh)	4.105.000.000	4.105.000.000

**Trần Thị Mai**  
Kế toán trưởng



**Đặng Đình Ban**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 01 năm 2012

Số: ...../SARAVN-VP

Vv: Giải trình lợi nhuận quý IV năm 2011 giảm  
so với cùng kỳ năm 2010

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2012

**Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại Mục IV khoản 1 Thông tư 38/2007/TT/BTC ban hành ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán. Theo đó các công ty niêm yết phải công bố định kỳ báo cáo tài chính quý. Công ty Cổ phần SARA Việt Nam đã tiến hành lập Báo cáo Tài chính Quý IV năm 2011 theo mẫu của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trong quý IV năm 2011, Công ty chủ yếu đầu tư vào các dự án nên doanh thu giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu quý IV năm 2011 chủ yếu là hoạt động tài chính và dịch vụ phần mềm, thiết kế website. Do chi phí quản lý cao, doanh thu không đủ để chi phí nên quý IV năm nay lỗ 200.197.371đ.

Chi tiết như sau:

Nội dung	Doanh thu	Giá vốn /Chi phí	Lợi nhuận
Hoạt động phần mềm, website	692.007.454	447.060.000	244.947.454
Doanh thu hoạt động tài chính	75.065.500	164.000	74.901.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp		520.046.325	
<b>Tổng</b>	<b>767.072.954</b>	<b>732.530.325</b>	<b>-200.197.371</b>

Mọi thông phản hồi xin liên hệ: **Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.**

Địa chỉ: Tầng 4 toà nhà Kinh Đô, 292 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : 043 5380817

***Trân trọng cảm ơn!***

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT-VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

**Tổng giám đốc**



**Đặng Đình Ban**